

Bản án số:02/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 14-02-2023

V/v “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH-TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1.bà Nguyễn Thị Phương Dung.

2.bà Nguyễn Thị Hạnh

Thư ký phiên tòa: bà Mai Thị Chiêm Vân-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa:*bà Nguyễn Thị Như Thủy-Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 280/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Đàm Thị Th, sinh năm 1990 (có mặt)

Bị đơn: anh Phan Nhật H, sinh năm 1990 (có mặt)

Cùng hộ khẩu thường trú: khu phố N, thị trấn S, huyện BBh, tỉnh BTh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Đàm Thị Th trình bày: +Về hôn nhân chị Th và anh Phan Nhật H trước khi kết hôn năm 2010 có tự nguyện đến với nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà mẹ anh H.Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường hay cãi nhau với những chuyện không đâu nhưng mẹ chồng không khuyên can con mà còn bên vực con trai làm cho mâu thuẫn trầm trọng hơn.Mỗi lần như vậy anh H đánh chị nhưng chị Th đều cố gắng chịu đựng bỏ qua vì con nên cũng không báo chính quyền địa phương biết.Đỉnh điểm mâu thuẫn là ngày 20/7/2022 chỉ vì chuyện chị bôi kem trị nám mà chồng chửi dẫn đến mâu thuẫn, anh H đánh chị tới tấp vào đầu và cổ... nhưng mẹ chồng cũng không khuyên con mà còn chửi chị và đuổi chị đi trong đêm nên chị Th không chịu đựng nữa và rời khỏi nhà trong đêm đến nay.Chị thấy không còn tình cảm, không quay lại sống chung hạnh phúc được nên yêu cầu ly hôn anh Phan Nhật H.

+Về con chung: chị Đàm Thị Th và anh Phan Nhật H có hai người con chung là Phan Nhật H1, sinh ngày 31/01/2011 và Phan Nhật Gia H, sinh ngày 26/4/2017. Các con đang do anh H trực tiếp nuôi dưỡng bởi khi chị bị gia đình chồng và chồng đuổi đi đêm 20/7/2022 chị có mang theo con là Phan Nhật Gia H nhưng bị gia đình chồng và chồng chị giật giành lại con, không cho dẫn đi nên chị không đưa con đi cùng được mà phải để con ở lại cho anh H và gia đình chồng nuôi nên chị ly hôn chị Th yêu cầu được nuôi 2 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.Nếu anh H không đồng ý giao hai con chị nuôi thì chị Th yêu cầu được nuôi con là Phan Nhật Gia H, con là Phan Nhật H1 tiếp tục giao anh H nuôi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: chị Đàm Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Phan Nhật H trình bày trong quá trình tố tụng:Anh H và chị Th tự nguyện yêu nhau có gia đình tổ chức cưới và đăng ký kết hôn năm 2010.Sau khi cưới vợ chồng anh sống chung tại nhà mẹ anh ở khu phố N, thị trấn S.Cuộc sống vợ chồng cũng có lúc mâu thuẫn nhưng không lớn rồi cũng sống hạnh phúc bình thường hạnh phúc.Ngày 20/7/2022 mâu thuẫn làm chị Th bỏ nhà anh đi đến khi yêu cầu ly hôn là do anh không chịu được mùi rượu nhưng chị Th dùng rượu ngâm thuốc để bôi lên mặt đi ngủ, anh không đồng ý yêu cầu chị Th bỏ nhưng chị Th không đồng ý, từ đó vợ chồng cãi nhau, anh tức đập bể bình rượu thuốc ngâm dẫn đến vợ chồng cãi nhau gây gắt, hai bên không ai chịu nhường nhau, chị Th thách thức anh nên anh có đánh chị Th.Chị Th bỏ nhà đi trong đêm.Khi chị Th bỏ đi, anh có tìm đến nhà mẹ chị Th đưa vợ về nhưng không được gia đình chị Th cho biết địa chỉ nơi ở của vợ cho đến khi chị Th về làm đơn ly hôn anh mới biết hiện nay chị Th đi Thành phố làm.Anh cho rằng anh cũng có sai là đánh vợ nhưng vợ chồng cũng phải có lúc tha thứ cho nhau nên yêu cầu đoàn tụ vì anh còn yêu chị Th và muốn vợ chồng ổn định cùng nhau chung nuôi dạy các con.

+Về con chung: anh H thống nhất vợ chồng có hai người con chung như chị Th trình bày.Anh H không đồng ý giao hai con cho chị Th nuôi mà yêu cầu được nuôi hai con chung, nếu không được chị Th đồng ý anh cũng có nguyện vọng giao con lớn là Phan Nhật H1 cho chị Th nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu H1, con Phan Nhật Gia H anh yêu cầu được trực tiếp nuôi do cháu H còn nhỏ, hiện nay anh đang nuôi cũng tốt nên không đồng ý giao cháu H cho chị Th trực tiếp nuôi.Anh cũng không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

+Tài sản chung,nợ chung: anh Phan Nhật H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Phan Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Phan Nhật H vì cho rằng anh H đã nhiều lần đánh chị khi vợ chồng có mâu thuẫn dù lớn hay nhỏ chứ không phải một lần mà chị bỏ nhà đi nên chị không còn tình cảm với anh khi đã quyết định đi.Mặc dù, anh không phải là người cờ bạc, rượu chè nhưng anh là người luôn cho mình đúng và áp đặt chị Th theo ý mình và ích kỷ mỗi khi chị về thăm cha bệnh và chăm sóc cha chị là anh

về nhà la mán chị nên chị thấy tình cảm vợ chồng không còn và không hợp nhau nên không thể đoàn tụ hạnh phúc theo yêu cầu anh H. Anh H hòa giải nguyện vọng đoàn tụ theo chị về thành phố Hồ Chí Minh sống cùng nhưng lại thay đổi và yêu cầu chị về quê theo anh nên chị cho rằng anh H không đáng tin tưởng sửa sai nên chị Th không đồng ý đoàn tụ.

Đối với con chung chị Th yêu cầu trực tiếp nuôi con là Phan Nhật Gia H, sinh ngày 26/4/2017 vì con còn nhỏ chị muốn trực tiếp chăm sóc con. Đối với con là Phan Gia H1 cho rằng muốn ở với mẹ vì nghĩ rằng cháu ở với mẹ có thể về thăm em và ba còn em nhỏ không thể đi về thăm ba và anh nhưng chị Th muốn cháu H1 do anh H dạy bảo sẽ tốt vì con đang tuổi lớn, chị Th đã chăm sóc cháu nhiều nên muốn được chăm sóc Phan Nhật Gia H nhiều hơn vì con nào chị cũng thương yêu nhưng chị muốn thuận lợi cho con là H về mặt học tập sau này nếu anh H không đồng ý thì do Hội đồng xét xử quyết định.

Bị đơn anh Phan Nhật H không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng ai cũng có lúc sai và cần cho anh cơ hội sửa sai để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy các con. Nếu chị Th không muốn về gia đình anh sống thì anh có thể về vay mượn gia đình xây nhà ở riêng tại quê mà không theo chị Th vào Thành phố sống như anh đã trình bày tại các buổi hòa giải vì anh cho rằng con anh không bắt kịp nhịp sống và học tập tại thành phố Hồ Chí Minh và anh không phù hợp cuộc sống tại Thành phố Hồ Chí Minh nên anh không giữ được lời hứa với chị Th tại hòa giải trước đây nhưng anh hứa sẽ lo được cho chị cuộc sống và con đầy đủ tại quê nhà.

Về con chung: anh H không đồng ý giao con chung Phan Nhật Gia H cho chị Th nuôi và không đồng ý giao con Phan Nhật H1 cho chị Th nuôi nhưng nếu vì phải giao con thì anh đồng ý giao cháu H1 cho chị Th theo nguyện vọng của con.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình phát biểu ý kiến đối với vụ án: +Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 195, 196, 175, 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

+Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn chấp hành

+Về thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng Thẩm phán xử lý đơn còn chậm.

+Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Đàm Thị Th được ly hôn

anh Phan Nhật H; Về con chung: giao chị Th nuôi con là Phan Nhật Gia H, sinh ngày 26/4/2017, giao anh H nuôi con Phan Nhật H1, sinh ngày 31/01/2011. Anh H chị Th được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; nghĩa vụ cấp dưỡng do chị Th và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

-Tài sản chung và nợ chung: Do chị Th và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Án phí chị Th phải chịu nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]*Về tố tụng*: Căn cứ vào tài liệu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin ly hôn anh Phan Nhật H có địa chỉ khu phố N, thị trấn S, huyện BB, tỉnh BTh thuộc trường hợp tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 nên Tòa án nhân dân huyện BB thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2]*Về hôn nhân*: chị Đàm Thị Th và anh Phan Nhật H được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/4/2010 tại UBND thị trấn S nên hôn nhân giữa chị Th và anh H là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, cùng chăm sóc và giúp đỡ, tôn trọng nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc theo quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng anh H đã có hành động ích kỷ dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, khi mâu thuẫn vợ chồng anh H thường hay dùng hành động là đánh vợ với những lý do không lớn. Mặc dù anh H thừa nhận có đánh vợ là sai nhưng hiện nay anh còn yêu chị Th nên mong chị Th tha thứ nhưng không được chị Th đồng ý đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy anh H đã đánh vợ khi vợ chồng có những mâu thuẫn là không đúng. Đáng lẽ ra chị Th sai anh H làm chồng phải có hướng tích cực hơn giúp vợ hiểu chồng hơn để cùng giải quyết những bất đồng quan điểm nhỏ trong cuộc sống để vợ chồng ngày càng hiểu nhau thương yêu nhưng anh dùng bạo lực để giải quyết, chính điều đó đã ảnh hưởng đến hôn nhân giữa chị Th và anh H ngày càng mâu thuẫn hơn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H đã sai làm cho chị Th bỏ đi không còn muốn chung sống vợ chồng với anh H. Anh H muốn vợ tha thứ nhưng đưa ra hướng buộc chị Th lại phải về quê theo anh nuôi con mà không giữ được lời hứa khi yêu cầu đoàn tụ làm cho chị Th không còn tin tưởng đoàn tụ theo anh H về quê sẽ mang lại hạnh phúc nên chị Th không đồng ý đoàn tụ. Như vậy, cả hai đều vi phạm nghĩa vụ vợ chồng nhưng lỗi xuất phát từ anh H nên chị Th không đồng ý đoàn tụ là có căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]*Về con chung*: chị Th thay đổi về yêu cầu nuôi hai con chung mà có nguyện vọng muốn trực tiếp nuôi con là Phan Nhật Gia H, sinh ngày 26/4/2017

vì cháu còn nhỏ dễ hòa nhập môi trường sinh hoạt học tập sau này nhưng không được anh H đồng ý mà anh H đồng ý giao con chung Phan Nhật H1 cho chị Th nuôi, vì cho rằng cháu H1 có nguyện vọng muốn được chị Th nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng chị Th và anh H có hai con chung nên việc chị Th có yêu cầu nuôi 1 người con là có căn cứ phù hợp quy định của Luật hôn nhân và gia đình, anh H cho rằng giao con là cháu H1 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là theo nguyện vọng của con nhưng Hội đồng xét xử xét khi giao con cần xem xét quyền lợi mọi mặt của con và căn cứ nguyện vọng của con nhưng phải đảm bảo quyền lợi của trẻ nên cháu H1 đã có hai nguyện vọng được thể hiện tại lời khai ngày 21/10/2022 muốn ở cùng cha vì có cảm giác mẹ không thương hai con và ngày 09/12/2022 muốn ở cùng mẹ vì nghĩ rằng hai anh em phải có người theo cha, người theo mẹ. em Gia H còn nhỏ, ăn uống khó nên để ba chăm sóc, cháu H1 lớn theo mẹ có thể về thăm em và ba nên sẽ theo mẹ. Như vậy, mặc dù cháu H1 có thay đổi nguyện vọng và anh H giao cháu H1 cho chị Th là do cháu H1 có nguyện vọng nhưng đây không phải là nguyện vọng mong muốn thật sự của cháu H1 nên cần phải đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, hạn chế làm ảnh hưởng tâm lý và học tập cũng như thay đổi môi trường sống, sinh hoạt bạn bè của con nên Hội đồng xét xử xét cần giao cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Gia H cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi hiện nay cháu H1 đang học lớp 6 ở quê với lực học trung bình, cháu đang tuổi bắt đầu thay đổi tâm lý nên khi giao con cho chị Th đưa về Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến tâm lý, môi trường sinh sống, học tập của cháu H1. Bởi cháu H1 không phải thật sự mong muốn được theo mẹ sống để cùng mẹ thay đổi môi trường học tập mà do cháu nghĩ rằng em Gia H còn nhỏ cần ba chăm sóc, nếu giao em cho mẹ sẽ không về thăm ba được nên cháu H1 là anh sẽ chấp nhận theo mẹ và có thay đổi nguyện vọng. Đối với con là Phan Nhật Gia H hiện nay đang gởi trẻ mầm non nên giao chị Th trực tiếp nuôi và theo chị Th về Thành phố Hồ Chí Minh sống sẽ thuận lợi hơn cho trẻ sau này hòa hợp môi trường sống và học tập và cũng đảm bảo quyền trực tiếp nuôi con của chị Th và anh H khi ly hôn.

[3.1] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: do chị Th và anh H không yêu cầu nên không xem xét.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: chị Đàm Thị Th và anh Phan Nhật H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] *Về án phí*: chị Đàm Thị Th phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 5 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử: - chấp nhận chị Đàm Thị Th được ly hôn anh Phan Nhật H.

- Về con chung: giao con chung là Phan Nhật Gia H, sinh ngày 26/4/2017 cho chị Đàm Thị Th trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng.

+ Giao con chung là Phan Nhật H1, sinh ngày 31/01/2011 cho anh Phan Nhật H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng.

Chị Đàm Thị Th và anh Phan Nhật H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

+ Về cấp dưỡng: do chị Th và anh H không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: chị Đàm Thị Th phải nộp 300.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0002531 ngày 05/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BB, chị Th đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện BB.
- Đường sự
- UBND thị trấn S
- Lưu HSVA

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Thanh Thảo

-.....
-.....
-.....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ⁽²⁷⁾:

Xử⁽²⁸⁾:

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 49:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi trích yếu quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ và tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ và tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ và tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ và tên của Thẩm phán, họ và tên của cả ba Hội thẩm nhân dân; nếu xét xử theo thủ tục rút gọn thì bỏ đoạn “Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có” và chỉ ghi Thẩm phán và họ tên Thẩm phán xét xử (ví dụ: Thẩm phán: Nguyễn Văn A). Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Trong trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2016 tại...).

Trong trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày trở lên, nếu số ngày tương đối ít thì có thể ghi đủ số ngày (ví dụ: Trong các ngày 03, 04 và 05 tháng 3...); nếu số ngày nhiều liên nhau thì ghi từ ngày đến ngày (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 07 đến 11 tháng 3 năm ...); nếu khác tháng mà xét xử liên tục thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 28-02 đến ngày 02-3 năm...), nếu không xét xử liên tục thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm...).

(8) Nếu xét xử kín thì thay hai chữ “công khai” bằng chữ “kín”.

(9) Tùy theo vụ án mà ghi “thông thường” hay “rút gọn”.

(10) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2016/TLST-HNGĐ).

(11) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(12) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú. Nếu nguyên đơn là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh.

Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(13) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(14) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(15) và (18) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (12).

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(21) và (22) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(23) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và tên của Tòa án, nơi Thư ký phiên tòa công tác như hướng dẫn tại điểm (1).

(24) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(25) Ghi quan hệ được xác lập giữa các đương sự dẫn đến có tranh chấp; các vấn đề cụ thể mà người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết; yêu cầu phản tố (nếu có) và đề nghị cụ thể của bị đơn; yêu cầu độc lập và đề nghị cụ thể của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chú ý không mô tả diễn biến sự việc theo lời trình bày của các đương sự).

Ví dụ 1: Trong đơn khởi kiện ngày... tháng... năm... (được bổ sung ngày... tháng... năm..., (nếu có)), nguyên đơn là... trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn là... có giao kết hợp đồng kinh doanh thương mại về vận chuyển hàng hoá. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn: (các yêu cầu cụ thể).

Tại văn bản phản tố ngày... tháng... năm... (hoặc tại văn bản ngày... tháng... năm..., hoặc tại phiên toà sơ thẩm) bị đơn có yêu cầu, đề nghị Toà án giải quyết (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).

Tại văn bản ngày... tháng... năm... (hoặc tại phiên toà sơ thẩm) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là... (nếu có) có yêu cầu độc lập, đề nghị: (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).

Ví dụ 2: Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày... tháng... năm... (được bổ sung ngày... tháng... năm..., (nếu có)) nguyên đơn là... trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn là... đăng ký kết hôn ngày... tháng... năm... Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết (các yêu cầu cụ thể: ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung...).

Tại văn bản ngày... tháng... năm... (hoặc tại phiên toà sơ thẩm) bị đơn là... có yêu cầu, đề nghị Toà án giải quyết (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).

Tại văn bản ngày... tháng... năm... (hoặc tại phiên toà sơ thẩm) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là... (nếu có) có yêu cầu độc lập, đề nghị (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).

(26) Ghi nhận định của Toà án, phải phân tích những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận từng yêu cầu, đề nghị cụ thể của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có). Cần viện dẫn điểm, khoản và điều luật của văn bản quy phạm pháp luật mà Toà án căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận.

Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì tùy từng trường hợp cụ thể mà Toà án ghi nhận định áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

(27) Ghi căn cứ điểm, khoản, điều luật của văn bản quy phạm pháp luật mà Toà án căn cứ để ra quyết định (ví dụ: căn cứ điểm... khoản... Điều... Luật đất đai; căn cứ điểm... khoản... Điều... Luật hôn nhân và gia đình,...)

(28) Ghi các quyết định của Toà án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy.

(29) Phần cuối cùng của bản án, nếu là bản án gốc được thông qua tại phòng nghị án thì cần phải có đầy đủ chữ ký, họ và tên của các thành viên Hội đồng xét xử (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); nếu là bản án chính để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

(Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án chính).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Ký tên và đóng dấu của Toà án)

(Họ và tên)

